SAO Y; VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI; Thời gian ký: 2025-04-21T15:44:31+07:00

Mẫu số 12/ĐK

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP.HCM, ngày 21 tháng 4 năm 2025

Số: 1055 /PCTT-VPĐK-ĐK

PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN ĐỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI
01 HỒ SƠ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN LẦN ĐẦU

Kính gửi: Đội Thuế Thành phố Thủ Đức.

I. THÔNG TIN VỀ HỒ SƠ THỦ TỤC ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

1.1. Mã hồ sơ: 79268301202200242 41

1.2. Ngày nhận hồ sơ: ngày 13 tháng 12 năm 2022.

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

2.1. Tên: **CÔNG TY CỔ PHẦN NGÂN THẠNH**

2.2. Địa chỉ: 142 Hai Bà Trưng, phường Đakao, Quận 1, Tp.HCM.

2.3. Số điện thoại liên hệ:..... Email (nếu có):.....

2.4. Mã số thuế (nếu có):.....

2.5. Giấy tờ nhân thân/pháp nhân: .....

Số.....; ngày cấp:..... nơi cấp... .....

2.6. Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính: Cấp Giấy chứng nhận lần đầu.

III. THÔNG TIN VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

3.1. Thông tin về đất

3.1.1. Vị trí khu đất.

- Khu CC-II (khu chung cư): diện tích đất ở sử dụng riêng 13.105,2m^2 thuộc một phần thửa 27-6, 60-2, Tờ bản đồ số 57, 58, phường Long Bình, Thành phố Thủ Đức. Vị trí khu đất theo Bản đồ hiện trạng vị trí số 220-4/CN-TNMT do Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt ngày 11 tháng 9 năm 2024.

- Khu CC-III (khu chung cư): diện tích đất ở sử dụng riêng 4.893,5m^2, thuộc một phần thửa 27-7, Tờ bản đồ số 57, phường Long Bình, Thành phố Thủ Đức. Vị trí khu đất theo Bản đồ hiện trạng vị trí số 220-5/CN-TNMT do Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt

ngày 11 tháng 9 năm 2024.

- Khu nhà ở thấp tầng ĐL-F (19 nền): diện tích đất ở sử dụng riêng 4.462,0m^2 thuộc một phần thửa 27-12, Tờ bản đồ số 57, phường Long Bình, Thành phố Thủ Đức. Vị trí khu đất theo Bản đồ hiện trạng vị trí số 220-9/CN-TNMT do Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt ngày 11 tháng 9 năm 2024.

- Khu nhà ở thấp tầng ĐL-E (11 nền): diện tích đất ở sử dụng riêng 2.646,7m^2 thuộc một phần thửa 27-11, Tờ bản đồ số 57, phường Long Bình, Thành phố Thủ Đức. Vị trí khu đất theo Bản đồ hiện trạng vị trí số 220-8/CN-TNMT do Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt ngày 11 tháng 9 năm 2024.

- Khu nhà ở thấp tầng ĐL-D (26 nền): diện tích đất ở sử dụng riêng 5.656,8m^2 thuộc một phần thửa 27-10, Tờ bản đồ số 57, phường Long Bình, Thành phố Thủ Đức. Vị trí khu đất theo Bản đồ hiện trạng vị trí số 220-7/CN-TNMT do Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt ngày 11 tháng 9 năm 2024.

- Khu nhà ở thấp tầng ĐL-C (22 nền): diện tích đất ở sử dụng riêng 4.869,4m^2 thuộc một phần thửa 27-8, Tờ bản đồ số 57, phường Long Bình, Thành phố Thủ Đức. Vị trí khu đất theo Bản đồ hiện trạng vị trí số 220-6/CN-TNMT do Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt ngày 11 tháng 9 năm 2024.

3.1.2. Vị trí theo Bảng giá đất:

- Đường/đoạn đường/khu vực: đường số 11 (trọn đường);

- Vị trí thửa đất: Vị trí: 1

- Chiều sâu của thửa đất (nếu có): m.

- Chiều rộng của ngõ/hẻm (nếu có):.....m.

3.1.3. Nguồn gốc sử dụng đất:

3.1.4. Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại đô thị.

3.1.5. Thời hạn sử dụng đất:

- Ổn định lâu dài ☑

- Có thời hạn:.....năm. Từ ngày ...../...../..... đến ngày:...../...../.....

- Gia hạn..... năm. Từ ngày ...../...../..... đến ngày:...../...../.....

3.1.8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất từ ngày:...../...../.....;

3.1.9. Giá đất: theo Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2020 của Uỷ ban nhân dân Thành phố về ban hành quy định Bảng giá đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020-2024.

3.1.10. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Quyết định số 1477/QĐ-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2011 và Quyết định số 3103/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

3.2. Thông tin về tài sản gắn liền với đất

3.2.1. Loại nhà ở, công trình: ……; cấp hạng nhà ở, công trình:…….;

3.2.2. Diện tích xây dựng: …..m^2;

3.2.3. Diện tích sàn xây dựng: …..m^2

3.2.4. Diện tích sở hữu chung: …..m^2; Diện tích sở hữu riêng: m^2;

3.2.5. Số tầng: …..; trong đó, số tầng nổi: … tầng, số tầng hầm: … tầng;

3.2.6. Nguồn gốc:.....

3.2.7. Thời hạn sở hữu đến: ..... năm.

IV. THÔNG TIN VỀ NHU CẦU GHI NỢ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH

- Tiền sử dụng đất:.....
- Lệ phí trước bạ:.....

V. NHỮNG GIẤY TỜ KÈM THEO DO NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT NỘP

- Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Quận 9.

- Quyết định số 1477/QĐ-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2011 của Uỷ ban nhân dân Thành phố.

- Quyết định số 3103/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2014 của Uỷ ban nhân dân Thành phố.

- Quyết định số 20/QĐ-UBDN ngày 06 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Quyết định 2939/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2013 của Uỷ ban nhân dân Quận 9.

- Quyết định số 8644/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân Thành phố Thủ Đức.

- Công văn số 4749/STNMT-QLĐ ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Thông báo số 25823/TB-CCTTPTĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thuế Thành phố Thủ Đức.

- Thông báo số 31461/TB-CCTTPTĐ ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thuế Thành phố Thủ Đức

- 06 Bản đồ hiện trạng vị trí số 220-4/CN-TNMT; 220-5/CN-TNMT; 220-6/CN-TNMT; số 220-7/CN-TNMT; số 220-8/CN-TNMT; số 220-9/CN-TNMT do Sở Tài nguyên

và Môi trường duyệt ngày 11 tháng 9 năm 2024.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0301413360; đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 11 năm 1992; đăng ký thay đổi lần thứ 30 ngày 16 tháng 11 năm 2021.

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận mẫu 04a/ĐK.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Trung tâm Công nghệ thông tin (để đăng tin);
- Công ty CP Ngân Thạnh;
- Lưu: VT, ĐK(HS), Ngọc.
  HS: 24241/2022

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI THÀNH PHỐ

Lê Thành Phương